

Số: /TTr-UBND

Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Về việc đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định
mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

Kính gửi: Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025; Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025; Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi theo trình tự, thủ tục rút gọn, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Để triển khai thực hiện quy định tại điểm e khoản 10 Điều 71 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm y tế: “*Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương và các nguồn kinh phí hợp khác trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quyết định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng cao hơn mức hỗ trợ tối thiểu quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này; mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng không được hưởng mức hỗ trợ quy định tại các điểm b, c, d, đ và e khoản 6 Điều 6 Nghị định này;...*”; Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi (cũ) và tỉnh Kon Tum (cũ) đã ban hành 04 Nghị quyết, cụ thể: Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024

của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số điều và bãi bỏ một phần của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Hiện nay, thực hiện chủ trương tại Kết luận số 137-KL/TW ngày 28/3/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp, xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp (cấp tỉnh, cấp xã) và Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh nên một số nội dung quy định tại các Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số điều và bãi bỏ một phần của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum là không còn phù hợp với thực tiễn tại địa phương, tạo sự khập khiễng khi thực hiện chính sách trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, nhằm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hiệu lực trong quản lý nhà nước, khắc phục các tác động tiêu cực; đảm bảo nguyên tắc công bằng, hướng đến đối tượng, ngày càng tốt hơn an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, thực hiện tốt chủ trương, nhiệm vụ lớn của Đảng và Nhà nước; thể hiện tính nhân văn, nhất quán trong chính sách an sinh.

Do đó, việc Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là cần thiết và đảm bảo phù hợp về thẩm quyền.

II. Mục đích ban hành, quan điểm xây dựng dự thảo Nghị quyết

1. Mục đích ban hành văn bản

Nhằm cụ thể hóa các nghị quyết, kết luận, quy định của Trung ương, của tỉnh về thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp; kịp thời thay thế Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Bảo đảm tuân thủ các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các nghị

quyết, kết luận, nghị định, quyết định của Trung ương, của tỉnh về thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

- Đảm bảo xây dựng nghị quyết trên cơ sở điều kiện thực tế của địa phương, phù hợp với từng đối tượng và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của nhà nước về chế độ chính sách đối với Bộ phận Một cửa.

III. Bố cục và nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

1. Bố cục của dự thảo văn bản

Dự thảo Nghị quyết, gồm 04 Điều.

- Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.
- Điều 2. Mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện
- Điều 3. Tổ chức thực hiện.
- Điều 5. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương để đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi cho:

a) Các đối tượng quy định tại các điểm a, b, d và g khoản 4 Điều 12 Luật Bảo hiểm y tế được sửa đổi tại khoản 10 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 27 tháng 11 năm 2024;

b) Đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5 Thông tư số 27/2018/TT-BYT ngày 26 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế và khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế liên quan đến HIV/AIDS;

c) Người thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ là người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi và người khuyết tật nhẹ không có điều kiện mua bảo hiểm y tế.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các đối tượng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại Nghị quyết, cụ thể:

- Người thuộc hộ gia đình cận nghèo;
- Học sinh, sinh viên là con thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 60% trở xuống;
- Học sinh, sinh viên là con gia đình đông con và gặp nhiều khó khăn về kinh tế;

- Người được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nhiễm HIV/AIDS chưa có thẻ bảo hiểm y tế;

- Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

- Người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi) thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình;

- Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

- Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi, người khuyết tật nhẹ không có điều kiện tham gia bảo hiểm y tế thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức được giao thực hiện chính sách bảo hiểm y tế và các cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ, nguồn kinh phí thực hiện

1. Mức hỗ trợ:

Ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách trung ương, ngân sách địa phương hỗ trợ:

a) Người thuộc hộ gia đình cận nghèo: hỗ trợ 30%;

b) Học sinh, sinh viên là con thương binh, bệnh binh, người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học suy giảm khả năng lao động từ 60% trở xuống: hỗ trợ 30%;

c) Học sinh, sinh viên là con gia đình đông con và gặp nhiều khó khăn về kinh tế: hỗ trợ 20%;

d) Người được cơ quan có thẩm quyền xác nhận nhiễm HIV/AIDS chưa có thẻ bảo hiểm y tế: hỗ trợ 100%;

đ) Người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình: hỗ trợ 20%;

e) Người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi) thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình: hỗ trợ 70%;

g) Người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: hỗ trợ 30%;

h) Người cao tuổi từ đủ 60 tuổi đến dưới 80 tuổi, người khuyết tật nhẹ không có điều kiện tham gia bảo hiểm y tế thuộc hộ mới thoát nghèo theo quy định tại Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ: hỗ trợ 70%.

2. Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế khác nhau thì được hưởng quyền lợi theo đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

3. Nguồn kinh phí thực hiện: Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn quỹ kết dư bảo hiểm y tế hằng năm (nếu có) và các nguồn hợp pháp khác (nếu có).

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Các Nghị quyết sau hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành:

a) Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

b) Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 27/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

c) Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

d) Nghị quyết số 31/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về sửa đổi, bổ sung một số điều và bãi bỏ một phần của Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum về quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

IV. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết và thời gian trình thông qua Nghị quyết

1. Dự kiến tổng kinh phí thực hiện Nghị quyết

- Kinh phí thực hiện năm 2026 theo các Nghị quyết cũ (trước ngày 01/6/2026) và Nghị quyết mới: 98,490 tỷ đồng.

- Kinh phí dự kiến thực hiện theo dự thảo Nghị quyết mới: 102,713 tỷ đồng.

Như vậy, dự kiến kinh phí Nghị quyết mới thực hiện **năm 2026 tăng 26,775 tỷ đồng** và **từ năm 2027 tăng 30,998 tỷ đồng** so với kinh phí ban đầu thực hiện Nghị quyết cũ (*chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

2. Thời gian dự kiến trình ban hành Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết dự kiến sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp chuyên đề (*dự kiến tháng 05 năm 2026*) của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận chủ trương xây dựng quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh (*kèm theo phụ lục mẫu Đăng ký xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 8 Thông tư số 26/2025/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp*)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Sở: Y tế, Tư pháp, Tài chính;
- VPUB: CVP, PCVP, KTTH;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Ngọc Sâm